

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP  
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 - 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 - 31
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ	10 - 31

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500547574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 26 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Fafilm, số 19 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông: Bùi Văn Phú	Chủ tịch	(Bổ nhiệm ngày 25/02/2016)
Ông: Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 25/02/2016)
Bà : Khúc Thị Thanh Huyền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/06/2016)
Ông: Nguyễn Ngọc Minh	Thành viên	
Ông: Lê Quang Thụ	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/06/2016)
Ông: Đỗ Duy Điền	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/06/2016)
Bà: Vũ Thị Hương	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 07/01/2016)
Ông: Nguyễn Khoa Điền	Thành viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà : Khúc Thị Thanh Huyền	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 12/04/2016)
Ông: Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 31/03/2016)
Ông: Đỗ Quốc Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Đức Hải	Phó Tổng Giám đốc	
Ông: Nguyễn Phi Hùng	Phó Tổng Giám đốc	

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà : Vũ Thị Hương	Trưởng ban	(Bổ nhiệm ngày 14/07/2016)
Bà : Trần Thị Hương Thủy	Trưởng ban	(Miễn nhiệm ngày 24/06/2016)
Ông: Vũ Xuân Dương	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/06/2016)
Bà : Ngô Thị Minh Nguyệt	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 24/06/2016)
Ông : Đỗ Ngọc Hải	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/06/2016)
Ông : Hồ Đắc Hiếu	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 24/06/2016)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:



- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30/06/2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



**Khúc Thị Thanh Huyền**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 13 tháng 08 năm 2016

## BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được lập ngày 13 tháng 08 năm 2016, từ trang 06 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính. Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ kèm theo. Tuy nhiên, do vấn đề mô tả tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận”, chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ.

### Cơ sở của việc từ chối đưa kết luận

- Như Công ty đã trình bày tại Thuyết minh số 18 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ - "Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác", đến ngày 01 tháng 01 năm 2016, Công ty đã thực hiện ký hợp đồng góp vốn và thỏa thuận nhận đặt cọc với khách hàng cho Dự án Văn Phú và Dự án Việt Hưng với tổng số tiền đã thu từ các khách hàng là 226.258.044.840 đồng và 496.520.000 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện phát hành hóa đơn giá trị gia tăng để hạch toán và kê khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) đầu ra và kê khai tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định về thuế hiện hành. Điều này đã dẫn đến việc kiểm toán viên và Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính của niên độ đó. Các số liệu về góp vốn và đặt cọc của hai Dự án trên lũy kế đến 30/06/2016 tương ứng 225.408.644.840 đồng và 496.520.000 đồng, Công ty chưa thực hiện nghĩa vụ thuế đối với các khoản thu này. Chúng tôi đã thực hiện đầy đủ các thủ tục của một cuộc soát xét báo cáo tài chính thông thường nhưng vẫn chưa thể đánh giá được ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2016 đến ngày 30/6/2016.
- Tại thời điểm 31/12/2015, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư tài chính dài hạn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An (Bình An) với giá trị là 205.082.444.751 đồng. Điều này dẫn đến việc kiểm toán viên và Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm trước phải đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính của niên độ đó. Số liệu trên tiếp tục được lũy kế đến thời điểm 30/06/2016, với các bằng chứng thu thập được, chúng tôi không thể đưa ra được tính đúng đắn của hợp đồng chuyển nhượng cổ phần tại Công ty Bình An ngày 30/06/2011 giữa Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH) và Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR).

Kiểm toán viên không xác định được liệu các cổ đông sáng lập và cổ đông phổ thông của Công ty Bình An đã góp đủ vốn chưa (Theo quy định tại Điều 23 - Cổ đông sáng lập tại Nghị định số 102/2010/NĐ - CP ngày 01/10/2010 về hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của luật doanh nghiệp thì "Trường hợp có cổ đông không thanh toán đủ số cổ phần đăng ký mua trong thời hạn 90 ngày kể từ khi công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thì cổ đông chưa thanh toán số cổ phần đã đăng ký mua sẽ đương nhiên không còn là cổ đông của công ty và không được chuyển nhượng quyền mua cổ phần đó cho người khác; Và cổ đông chỉ thanh toán một phần số cổ phần đã đăng ký mua sẽ có quyền biểu quyết, nhận lợi tức và các quyền khác tương ứng với số cổ phần đã thanh toán, không được quyền chuyển nhượng quyền mua số cổ phần chưa thanh toán cho người khác). Do đó chúng tôi chưa xác định được tính đầy đủ và chính xác của việc ghi nhận giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An đang được theo dõi trên sổ kế toán tại ngày 01/01/2016 và ngày 30/06/2016 là 205.082.444.751 đồng, cũng như xem xét việc trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính này.

- Tại thời điểm 01/01/2016 và 30/06/2016, khoản đầu tư tài chính vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh với giá trị lần lượt là 21.350.000.000 đồng và 5.000.000.000 đồng chưa được Công ty thực hiện đối chiếu xác nhận đầy đủ. Đồng thời, Công ty chưa thực hiện thu thập Báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2016 làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này.
- Tại thời điểm 01/01/2016, Công ty chưa thực hiện xem xét trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với Dự án CT10 - 11 Văn Phú. Vấn đề này được kiểm toán viên và Công ty kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2015 phải đưa ra ý kiến ngoại trừ. Bằng các tài liệu thu thập được trong năm 2016, thì số liệu dự phòng giảm giá hàng tồn kho ước tính cần phải trích lập lũy kế đến thời điểm 30/06/2016 là khoảng 48 tỷ đồng. Tuy nhiên, chúng tôi không thể đánh giá được số liệu trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lũy kế nêu trên ảnh hưởng tới số liệu tại thời điểm 01/01/2016 và kết quả kinh doanh từ năm 2015 về trước như thế nào.
- Một số khoản công nợ phải thu, phải trả của Công ty chưa được đối chiếu, xác nhận đầy đủ cho kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016. Trong đó, số nợ phải thu chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2016 là 35,436 tỷ đồng, tại ngày 30/06/2016 là 35,46 tỷ đồng; số nợ phải trả chưa đối chiếu, xác nhận tại ngày 01/01/2016 là 188,235 tỷ đồng, tại ngày 30/06/2016 là 187,768 tỷ đồng. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để có thể xác định liệu có phải điều chỉnh các số liệu này hay không. Đồng thời, chúng tôi cũng không thu thập được bằng chứng về việc liệu có cần thiết phải trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi hay không.

#### Từ chối đưa ra kết luận

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận", chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ giữa niên độ. Do đó, chúng tôi không đưa ra kết luận nào về các báo cáo tài chính giữa niên độ này.

#### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam cho kỳ 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2015 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Kiểm toán viên đã đưa ra kết luận ngoại trừ với Báo cáo tài chính giữa niên độ này tại ngày 14 tháng 08 năm 2015. Các vấn đề đã ngoại trừ tiếp tục ảnh hưởng đến BCTC giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 1/1/2016 đến ngày 30/6/2016 và đã được chúng tôi trình bày trong phần "Cơ sở của việc từ chối đưa ra kết luận".



Cát Thị Hà

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

số: 0725-2013-002-1

Hà Nội, ngày 15 tháng 08 năm 2016

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>786.484.657.106</b>	<b>802.185.171.249</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>03</b>	<b>3.649.497.647</b>	<b>11.911.102.910</b>
111	1. Tiền		2.609.497.647	2.871.102.910
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.040.000.000	9.040.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>04</b>	<b>9.205.020.311</b>	<b>8.439.270.311</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh		9.756.360.311	9.756.360.311
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(551.340.000)	(1.317.090.000)
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>22.625.589.966</b>	<b>35.039.177.118</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		92.300.000	92.300.000
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	05	21.845.769.238	21.793.957.038
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	06	14.165.760.728	16.731.160.080
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(13.478.240.000)	(3.578.240.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>08</b>	<b>727.204.983.761</b>	<b>723.389.925.517</b>
141	1. Hàng tồn kho		727.204.983.761	723.389.925.517
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>23.799.565.421</b>	<b>23.405.695.393</b>
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		23.248.943.989	22.855.073.961
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	550.621.432	550.621.432
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>251.877.581.872</b>	<b>252.451.758.765</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	06	10.000.000	10.000.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	-	-
222	- Nguyên giá		2.217.347.586	2.217.347.586
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.217.347.586)	(2.217.347.586)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		303.000.000	303.000.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(303.000.000)	(303.000.000)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>14.730.257.479</b>	<b>14.728.580.206</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	09	14.730.257.479	14.728.580.206
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>04</b>	<b>229.505.888.820</b>	<b>230.327.888.820</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		21.350.000.000	21.350.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		227.182.444.751	227.182.444.751
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(19.026.555.931)	(18.204.555.931)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>7.631.435.573</b>	<b>7.385.289.739</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	7.631.435.573	7.385.289.739
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.038.362.238.978</b>	<b>1.054.636.930.014</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016  
(tiếp theo)

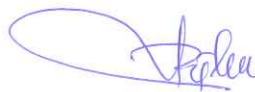
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
300	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>550.418.024.963</b>	<b>554.903.290.409</b>
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>550.418.024.963</b>	<b>554.903.290.409</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	43.912.161.316	43.438.919.270
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	87.460.934.459	86.256.431.159
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	58.861.561	39.883.728
314	4. Phải trả người lao động		276.852.861	1.049.920.841
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	288.121.675	527.003.031
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	410.410.306.483	411.568.901.328
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	13	6.430.555.556	10.000.000.000
322	8. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.580.231.052	2.022.231.052
400	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>487.944.214.015</b>	<b>499.733.639.605</b>
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	19	<b>487.944.214.015</b>	<b>499.733.639.605</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		531.009.130.000	531.009.130.000
411a	<i>Cổ đông phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>531.009.130.000</i>	<i>531.009.130.000</i>
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		11.788.944.000	11.788.944.000
415	3. Cổ phiếu quỹ		(10.507.397.490)	(10.507.397.490)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		10.687.396.552	10.687.396.552
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		4.378.477.974	4.378.477.974
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(59.412.337.021)	(47.622.911.431)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>(47.622.911.431)</i>	<i>(20.174.939.288)</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối kỳ này</i>		<i>(11.789.425.590)</i>	<i>(27.447.972.143)</i>
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.038.362.238.978</b>	<b>1.054.636.930.014</b>

Người lập biểu



Phạm Thị Hồng Doan

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hà Thu

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Khúc Thị Thanh Huyền



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
11	4. Giá vốn hàng bán		-	-
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	341.557.020	154.104.864
22	7. Chi phí tài chính	21	56.250.000	2.349.009.770
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		-	98.611.111
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	12.081.892.610	4.847.807.024
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(11.796.585.590)	(7.042.711.930)
31	11. Thu nhập khác		7.160.000	-
40	13. Lợi nhuận khác		7.160.000	-
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(11.789.425.590)	(7.042.711.930)
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	23	-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(11.789.425.590)	(7.042.711.930)
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	24	(227)	(136)

Người lập biểu

Phạm Thị Hồng Doan

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hà Thu

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc



Khúc Thị Thanh Huyền

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		(11.789.425.590)	(7.042.711.930)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		9.614.692.980	3.436.482.290
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	12.916.668
03	- Các khoản dự phòng		9.956.250.000	3.676.281.597
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(341.557.020)	(154.104.864)
06	- Chi phí lãi vay		-	(98.611.111)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(2.174.732.610)	(3.606.229.640)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		2.119.717.124	539.335.590
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(3.815.058.244)	(13.292.167.331)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		8.402.004	5.201.470.677
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(246.145.834)	(96.267.244)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	(3.480.462.875)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(480.555.556)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(443.677.273)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(5.032.050.389)	(14.734.320.823)
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	(1.750.000)
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	14.450.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		341.557.020	-
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		341.557.020	14.448.250.000
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	10.000.000.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.569.444.444)	-
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.667.450)	(25.642.300)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(3.571.111.894)	9.974.357.700
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(8.261.605.263)	9.688.286.877
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		11.911.102.910	2.851.483.021
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	3.649.497.647	12.539.769.898


Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2016

Tổng Giám đốc

  
Phạm Thị Hồng Doan

  
Nguyễn Thị Hà Thu

  
Khúc Thị Thanh Huyền

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0500547574 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ mười ba ngày 26 tháng 04 năm 2016.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Fafilm, số 19 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân.

Vốn điều lệ của Công ty là: 531.009.130.000 đồng; tương đương 53.100.913 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

#### Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây dựng và kinh doanh bất động sản.

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh các công trình tòa nhà chung cư.

#### Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ hoạt động sản xuất kinh doanh tại đơn vị đối với các hoạt động xây lắp phụ thuộc vào thời gian thực hiện từng dự án (có thể kéo dài trên 12 tháng), đối với các hoạt động kinh doanh khác thì chu kỳ kinh doanh thông thường không quá 12 tháng.

### Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong năm 2016, các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty chưa đem lại hiệu quả, bên cạnh đó các nguồn vốn để thực hiện các dự án gặp khó khăn dẫn đến một số dự án của Công ty bị chậm tiến độ so với kế hoạch xây dựng ban đầu. Trước những khó khăn như trên, Công ty đã bắt đầu thực hiện tái cơ cấu lại bộ máy, tập trung bố trí các nguồn lực để đẩy nhanh xây dựng Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông nhằm lấy lại uy tín của khách hàng và hình ảnh của Công ty. Đối với các Dự án ít khả thi, Công ty đang nghiên cứu các phương án nhằm thực hiện chuyển nhượng lại dự án bao gồm: Dự án tòa nhà 18T1 tại chung cư CT15 Việt Hưng và Dự án Tản Viên.

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

### 2.3. Công cụ tài chính

*Ghi nhận ban đầu*

**Tài sản tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

**Nợ phải trả tài chính**

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

*Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

### 2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

### 2.5. Các khoản đầu tư tài chính

*Chứng khoán kinh doanh* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

*Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với các khoản đầu tư khác: căn cứ vào Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.

## 2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi hoặc được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tại đơn vị là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp chi phí phát sinh theo từng công trình chưa hoàn thành tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối năm.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

## 2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- |                       |             |
|-----------------------|-------------|
| - Phương tiện vận tải | 06 năm      |
| - Thiết bị văn phòng  | 03 - 05 năm |
| - Phần mềm quản lý    | 03 năm      |

## 2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau. Đối với chi phí trả trước liên quan đến Dự án CT10 - 11 Văn Phú - Hà Đông, được tập hợp và được kết chuyển vào kết quả sản xuất kinh doanh khi dự án hoàn thành và bàn giao cho khách hàng.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## 2.10. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## 2.11. Các khoản vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

## 2.12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với chi phí đi vay để phục vụ việc thi công, xây dựng công trình, tài sản cho khách hàng, kể cả trường hợp đối với khoản vay riêng thì không thực hiện vốn hóa lãi vay.

## 2.13. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi vay, chi phí kiểm toán, chi phí thuê văn phòng được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

## 2.14. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

## 2.15. Doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu bán bất động sản*

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Trường hợp bán hàng hóa bất động sản theo hình thức khách hàng tự hoàn thiện hoặc Công ty hoàn thiện theo yêu cầu của khách hàng thì được ghi doanh thu khi hoàn thành bàn giao phần xây thô cho khách hàng.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.16. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

## 2.17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

## 2.18. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	169.697.867	436.105.427
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.439.799.780	2.434.997.483
Các khoản tương đương tiền (*)	1.040.000.000	9.040.000.000
	<u>3.649.497.647</u>	<u>11.911.102.910</u>

(\*) Tại ngày 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng được gửi tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương - Chi nhánh Thăng Long với lãi suất 5,3%/năm.



#### 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

##### a) Chứng khoán kinh doanh

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Tổng giá trị cổ phiếu				
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng	4.329.284.689	3.777.944.689	551.340.000	4.329.284.689
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Giáo dục	5.427.075.622	5.427.075.622	-	5.427.075.622
	<b>9.756.360.311</b>	<b>9.205.020.311</b>	<b>551.340.000</b>	<b>9.756.360.311</b>
				<b>8.439.270.311</b>
				<b>1.317.090.000</b>

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng và Công ty Đầu tư Tài chính Giáo dục được xác định theo giá đóng cửa tại ngày lập Báo cáo tài chính trên sàn HNX.

##### b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	21.350.000.000	2.186.652.181	21.350.000.000	2.186.652.181
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (*)	21.350.000.000	2.186.652.181	21.350.000.000	2.186.652.181
Các khoản đầu tư khác	227.182.444.751	16.839.903.750	227.182.444.751	16.017.903.750
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí	12.000.000.000	9.600.000.000	12.000.000.000	8.880.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư PV2	5.100.000.000	4.131.000.000	5.100.000.000	4.029.000.000
- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh (*)	5.000.000.000	3.108.903.750	5.000.000.000	3.108.903.750
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An	205.082.444.751	-	205.082.444.751	-
	<b>248.532.444.751</b>	<b>19.026.555.931</b>	<b>248.532.444.751</b>	<b>18.204.555.931</b>

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(\*) Các khoản dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh được trích lập theo Báo cáo tài chính năm 2015.

**Đầu tư vào đơn vị khác**

Tên công ty nhận đầu tư

- Công ty Cổ phần Dầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam

- Công ty Cổ phần Dầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí

- Công ty Cổ phần Dầu tư PV2

- Công ty Cổ phần Khách sạn Dầu khí Lam Kinh

- Khoản đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An

Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Hà Nội	22,40%	22,40%	Đầu tư kinh doanh và khai thác bất động sản
Hồ Chí Minh	1,45%	1,45%	Xây dựng công trình dân dụng
Hà Nội	1,37%	1,37%	Đầu tư kinh doanh bất động sản
Thanh Hóa	2,63%	2,63%	Kinh doanh khách sạn
Hà Nội	19,50%	19,50%	Đầu tư xây dựng



## 5. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Trung tâm Giao dịch Đất đai và Phát triển quỹ đất Hà Nội	1.278.263.456	-	1.278.263.456	-
- Ban điều hành các Dự án của PVC tại Hà Nội	9.475.374.339	-	9.475.374.339	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư AHC Việt Nam	-	-	1.166.011.100	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	6.114.446.393	-	6.114.446.393	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.000.000.000	-	10.000.000	-
- Các khoản trả trước người bán khác	2.977.685.050	-	2.749.861.750	-
	<b>21.845.769.238</b>	<b>-</b>	<b>21.793.957.038</b>	<b>-</b>

## 6. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>				
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư NNP	664.298.191	-	669.545.461	-
- Phải thu Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng về việc hoàn tiền đã nộp do hủy hợp đồng mua nhà	3.485.940.000	3.485.940.000	3.485.940.000	3.485.940.000
- Phải thu ông Phạm Quốc Anh về tiền chuyên nhượng cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam	9.900.000.000	9.900.000.000	9.900.000.000	-
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	90.000.000	-	1.976.629.008	-
- Phải thu khác	25.522.537	-	699.045.611	-
	<b>14.165.760.728</b>	<b>13.385.940.000</b>	<b>16.731.160.080</b>	<b>3.485.940.000</b>
<b>b) Dài hạn</b>				
- Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-	10.000.000	-
	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>	<b>10.000.000</b>	<b>-</b>

## 7. NỢ XẤU

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công đoàn Công ty Cổ phần thiết kế Heeri	92.300.000	-	92.300.000	-
- Công ty TNHH Kinh doanh Nhà Vĩnh Hưng	3.485.940.000	-	3.485.940.000	-
- Phải thu ông Phạm Quốc Anh	9.900.000.000	-	9.900.000.000	9.900.000.000
	<b>13.478.240.000</b>	<b>-</b>	<b>13.478.240.000</b>	<b>9.900.000.000</b>

## 8. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang				
- Dự án chung cư CT10-11 Văn Phú, Hà Đông	651.522.575.662	-	650.054.497.407	-
- Dự án tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 Việt Hưng - lô chung cư	41.476.056.643	-	41.432.619.626	-
- Dự án tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 Việt Hưng - lô nhà vườn	34.206.351.456	-	31.902.808.484	-
	<b>727.204.983.761</b>	<b>-</b>	<b>723.389.925.517</b>	<b>-</b>

## 9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Dự án Khu du lịch quốc tế cao cấp Tản Viên	14.730.257.479	14.728.580.206
	<b>14.730.257.479</b>	<b>14.728.580.206</b>

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ dùng trong quản lý VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	1.554.894.000	662.453.586	2.217.347.586
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.554.894.000</b>	<b>662.453.586</b>	<b>2.217.347.586</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.554.894.000	662.453.586	2.217.347.586
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.554.894.000</b>	<b>662.453.586</b>	<b>2.217.347.586</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 2.217.347.586 VND

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình tại thời điểm 30/06/2016 là giá trị phần mềm máy tính có nguyên giá là 303.000.000 đồng, giá trị hao mòn lũy kế đến thời điểm 30/06/2016 là 303.000.000 đồng.

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
- Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	294.590.627	64.085.597
- Chi phí bán hàng cho dự án CT10-11 Văn Phú, Hà Đông	7.336.844.946	7.321.204.142
	<b>7.631.435.573</b>	<b>7.385.289.739</b>



**13. VAY NGẮN HẠN**

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình	10.000.000.000	10.000.000.000	3.569.444.444		6.430.555.556	6.430.555.556
	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>-</b>	<b>3.569.444.444</b>	<b>6.430.555.556</b>	<b>6.430.555.556</b>

**Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:**

Hợp đồng tín dụng số 10/HĐ/2015/PVCR - HD ngày 15/04/2015 giữa Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần Xây dựng Hạ Đình bao gồm các điều khoản chi tiết sau

- + Mục đích vay: thanh toán cho các nhà thầu đã thi công các hạng mục của Dự án tòa nhà chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại CT10 - 11 Văn Phú, Hà Đông;
- + Thời hạn vay: 10 tháng;
- + Lãi suất cho vay: 5%/năm;
- + Phương thức bảo đảm: Tín chấp;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm 30/06/2016 là 6.430.555.556 đồng.



**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Sông Đà	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203	14.432.195.203
- Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000	12.800.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
- Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Hạ Tầng Đô thị UDIC - Công ty TNHH MTV	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039	3.512.730.039
- Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Building	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407	1.785.974.407
- Công ty Cổ phần Đầu tư AHC Việt Nam	631.005.800	631.005.800	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Xây dựng Hương Giang	428.806.000	428.806.000	428.806.000	428.806.000
- Phải trả các đối tượng khác	321.449.867	321.449.867	479.213.621	479.213.621
	<b>43.912.161.316</b>	<b>43.912.161.316</b>	<b>43.438.919.270</b>	<b>43.438.919.270</b>

**15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Khách hàng mua Biệt thự nhà viên tại Dự án Việt Hưng	32.941.433.755	32.941.433.755
- Khách hàng mua căn hộ tại Dự án Văn Phú	53.314.997.404	53.314.997.404
- Khách hàng mua Dự án Hạ Long	1.204.503.300	-
	<b>87.460.934.459</b>	<b>86.256.431.159</b>



**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	550.621.432	-	-	-	550.621.432	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	39.883.728	44.470.115	25.492.282	-	58.861.561
- Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
	<b>550.621.432</b>	<b>39.883.728</b>	<b>47.470.115</b>	<b>28.492.282</b>	<b>550.621.432</b>	<b>58.861.561</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	108.392.075	354.166.667
- Chi phí trích tiền thuê văn phòng tầng M1 CT12 Văn Phú	129.729.600	109.200.000
- Chi phí khác	50.000.000	63.636.364
	<b>288.121.675</b>	<b>527.003.031</b>

**18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>		
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú	225.408.644.840	226.258.044.840
- Nhận tiền góp vốn vào Dự án Việt Hưng	496.520.000	496.520.000
- Phải trả cổ tức năm 2010 và năm 2011 cho một số cổ đông	18.488.893.400	18.490.560.850
- Phải trả Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam về việc mua cổ phần của Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVCI)	18.000.000.000	18.000.000.000
- Phải trả Công ty CP Đầu tư Phát triển Bình An về việc kế thừa nghĩa vụ khi chuyển nhượng cổ phần với Công ty CP Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	105.872.468.579	105.872.468.579
- Phải trả Công ty CP Tập đoàn Đại Dương về tiền nhận đặt cọc để thực hiện chuyển nhượng 5 tầng khối đế của Dự án CT10 -11 Văn Phú Hà Đông theo Hợp đồng đặt cọc số 15/2013/HĐĐC/OGC-PVR ngày 28/03/2013.	40.017.888.881	40.017.888.881
- Các khoản phải trả phải nộp khác	2.125.890.783	2.433.418.178
	<b>410.410.306.483</b>	<b>411.568.901.328</b>

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư	Thặng dư	Cổ phiếu	Quý khác thuộc	Quý đầu tư	Lợi nhuận	Cộng
	của chủ sở hữu	vốn cổ phần	quỹ	vốn chủ sở hữu	phát triển	chưa phân phối	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(20.174.939.288)	527.181.611.748
Lỗ trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(7.042.711.930)	(7.042.711.930)
Số dư cuối kỳ trước	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(27.217.651.218)	520.138.899.818
Số dư đầu kỳ này	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(47.622.911.431)	499.733.639.605
Lỗ trong kỳ này	-	-	-	-	-	(11.789.425.590)	(11.789.425.590)
Số dư cuối kỳ này	531.009.130.000	11.788.944.000	(10.507.397.490)	4.378.477.974	10.687.396.552	(59.412.337.021)	487.944.214.015

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ	Tỷ lệ	Đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Đại Dương	50.427.000.000	9,50%	50.427.000.000	9,50%
- Công ty TNHH VNT	81.519.800.000	15,35%	81.519.800.000	15,35%
- Công ty Cổ phần quản lý quỹ PVI	43.500.000.000	8,19%	43.500.000.000	8,19%
- Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn cầu	43.500.000.000	8,19%	43.500.000.000	8,19%
- Công ty Cổ phần Đầu tư MHD Vina	124.831.000.000	23,51%	124.831.000.000	23,51%
- Cổ đông khác	175.289.330.000	33,01%	175.289.330.000	33,01%
- Cổ phiếu quỹ	11.942.000.000	2,25%	11.942.000.000	2,25%
	<b>531.009.130.000</b>	<b>100%</b>	<b>531.009.130.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	531.009.130.000	531.009.130.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	531.009.130.000	531.009.130.000

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	53.100.913	53.100.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	53.100.913	53.100.913
- Cổ phiếu phổ thông	53.100.913	53.100.913
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.194.200	1.194.200
- Cổ phiếu phổ thông	1.194.200	1.194.200
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	51.906.713	51.906.713
- Cổ phiếu phổ thông	51.906.713	51.906.713
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):	10.000	10.000

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	10.687.396.552	10.687.396.552
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4.378.477.974	4.378.477.974
	<b>15.065.874.526</b>	<b>15.065.874.526</b>

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này	Kỳ trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	86.307.020	154.104.864
Cổ tức, lợi nhuận được chia	255.250.000	-
	<b>341.557.020</b>	<b>154.104.864</b>

## 21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay		98.611.111
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	56.250.000	2.176.281.597
Chi phí tài chính khác	-	74.117.062
	<b>56.250.000</b>	<b>2.349.009.770</b>

## 22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.798.636	4.088.182
Chi phí nhân công	1.270.107.226	2.053.117.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	12.916.668
Chi phí dự phòng	9.900.000.000	1.500.000.000
Thuế, phí, và lệ phí	1.700.000	3.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	557.889.737	604.629.921
Chi phí khác bằng tiền	340.397.011	670.055.123
	<b>12.081.892.610</b>	<b>4.847.807.024</b>

## 23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(11.789.425.590)	(7.042.711.930)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	72.000.000
- Các khoản chi phí không được khấu trừ	-	72.000.000
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(11.789.425.590)	(6.970.711.930)
Thuế suất thuế TNDN	20%	22%
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

## 24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	(11.789.425.590)	(7.042.711.930)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(11.789.425.590)	(7.042.711.930)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	51.906.713	51.906.713
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(227)</b>	<b>(136)</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

## 25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	11.798.636	4.088.182
Chi phí nhân công	1.270.107.226	2.053.117.130
Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	12.916.668
Chi phí dự phòng	9.900.000.000	1.500.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.372.947.981	604.629.921
Chi phí khác bằng tiền	342.097.011	673.055.123
	<b>15.896.950.854</b>	<b>4.847.807.024</b>

## 26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.649.497.647	-	11.911.102.910	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	14.268.060.728	(13.478.240.000)	16.833.460.080	(3.578.240.000)
Đầu tư ngắn hạn	9.756.360.311	(551.340.000)	9.756.360.311	(1.317.090.000)
Đầu tư dài hạn	227.182.444.751	(19.026.555.931)	227.182.444.751	(18.204.555.931)
	<b>254.856.363.437</b>	<b>(33.056.135.931)</b>	<b>265.683.368.052</b>	<b>(23.099.885.931)</b>

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	6.430.555.556	10.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	454.322.467.799	455.007.820.598
Chi phí phải trả	288.121.675	527.003.031
	<b>461.041.145.030</b>	<b>465.534.823.629</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

**Rủi ro về giá:**

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá trong tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro về lãi suất:**

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.649.497.647	-	-	3.649.497.647
Phải thu khách hàng, phải thu khác	779.820.728	10.000.000	-	789.820.728
Đầu tư ngắn hạn	9.205.020.311	-	-	9.205.020.311
Đầu tư dài hạn	-	208.155.888.820	-	208.155.888.820
	<b>13.634.338.686</b>	<b>208.165.888.820</b>	<b>-</b>	<b>221.800.227.506</b>
<b>Tại ngày 01/01/2016</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.911.102.910	-	-	11.911.102.910
Phải thu khách hàng, phải thu khác	13.245.220.080	10.000.000	-	13.255.220.080
Đầu tư ngắn hạn	8.439.270.311	-	-	8.439.270.311
Đầu tư dài hạn	-	208.977.888.820	-	208.977.888.820
	<b>33.595.593.301</b>	<b>208.987.888.820</b>	<b>-</b>	<b>242.583.482.121</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2016</b>				
Vay và nợ	6.430.555.556	-	-	6.430.555.556
Phải trả người bán, phải trả khác	454.322.467.799	-	-	454.322.467.799
Chi phí phải trả	288.121.675	-	-	288.121.675
	<b>461.041.145.030</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>461.041.145.030</b>

**Tại ngày 01/01/2016**

Vay và nợ	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	455.007.820.598	-	-	455.007.820.598
Chi phí phải trả	527.003.031	-	-	527.003.031
	<b>465.534.823.629</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>465.534.823.629</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

**27. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường;	-	-
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường;	3.569.444.444	-

**28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

**29. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh bất động sản và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

**30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và HĐQT	469.477.815	593.142.728



### 31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Deloitte Việt Nam soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên
			báo cáo kỳ trước
		VND	VND
<b>a/ Bảng Cân đối kế toán</b>			
Chứng khoán kinh doanh	121	9.756.360.311	214.838.805.062
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	248.532.444.751	43.450.000.000
Hàng tồn kho	141	723.389.925.517	31.902.808.484
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	691.487.117.033

Lập, ngày 13 tháng 08 năm 2016

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Phạm Thị Hồng Doan

Nguyễn Thị Hà Thu

Khúc Thị Thanh Huyền